BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1476 /QĐ-ĐHHN	*Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép sinh viên học cùng lúc hai chương trình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy" ban hành theo Quyết định số 25 /2006/QĐ-BGDĐT, ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ "Quy định học cùng lúc hai chương trình" ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-ĐHHN ngày 14/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ kế hoạch năm học 2014-2015;

Xét đăng ký học cùng lúc hai chương trình của sinh viên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép **172** sinh viên hệ chính qui đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định về học cùng lúc hai chương trình được học chương trình thứ hai.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các khoa có sinh viên đăng kí học chương trình thứ hai lập kế hoạch, tổ chức giảng dạy chương trình hai cho các sinh viên có tên tại Điều 1 theo đúng Quy chế của Bộ GDĐT và Quy định của Trường Đại học Hà Nội.

Điều 3. Những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 có nghĩa vụ đóng học phí theo qui định để học chương trình thứ hai kể từ học kỳ 1, năm học 2014-2015.

Điều 4. Các khoa có sinh viên đăng kí học chương trình thứ hai, phòng Đào tạo, phòng Tài chính-Kế toán, phòng Công tác sinh viên, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

Nơi nhận:
- Các khoa đào tạo CQ;
- Phòng CTSV, TC-KT;
- Lưu ĐT, VT.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Đặng Thục	Anh	19.10.1995	1307090004	4I-13	7.50	NN Italia	NN Anh	
2	Lý Hồng	Anh	17.07.1994	1207030004	3P-12	7.21	NN Pháp	NN Anh	
3	Nguyễn Thị Vân	Anh	07.11.1995	1307020008	3N-13	7.54	NN Nga	NN Anh	
4	Phan	Anh	18.01.1995	1307100007	1B-13	7.37	NN BĐN	NN Anh	
5	Lê Thị Ngọc	ánh	22.03.1995	1307020011	2N-13	7.32	NN Nga	NN Anh	
6	Phạm Xuân	Bách	12.01.1995	1307030014	3P-13	7.27	NN Pháp	NN Anh	
7	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	21.09.1993	1107050018	1Đ-12	7.02	NN Đức	NN Anh	
8	Phan Kim	Cương	29.09.1995	1307040019	3T-13	7.46	NN Trung	NN Anh	
9	Phan Đỗ Minh	Diệu	11.07.1995	1304040023	2TC-13	7.57	TC-NH	NN Anh	
10	Chu Thị	Dung	05.02.1995	1307040027	7T-13	7.98	NN Trung	NN Anh	
11	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	17.06.1994	1204010013	3KT-12	8.18	Kế toán	NN Anh	
12	Phạm Ngọc	Dũng	10.07.1994	1207090030	3I-12	7.10	NN Italia	NN Anh	
13	Trần Thùy	Dương	09.12.1995	1307020024	2N-13	7.17	NN Nga	NN Anh	
14	Triệu Thị Thùy	Dương	11.08.1994	1207090033	3I-12	7.10	NN Italia	NN Anh	
15	Nguyễn Phan Hằng	Giang	13.09.1995	1307090034	4I-13	7.10	NN Italia	NN Anh	
16	Mã Thị	Hà	02.03.1995	1307100021	1B-13	7.36	NN BĐN	NN Anh	
17	Nguyễn Thu	Hà	17.04.1995	1307020030	3N-13	7.07	NN Nga	NN Anh	
18	Ta Thị	Hà	06.04.1994	1207040044	1T-12	8.00	NN Trung	NN Anh	
19	Trần Thị Ngọc	Hà	26.11.1995	1307030028	3P-13	7.02	NN Pháp	NN Anh	
20	Lương Thị	Hằng	13.03.1994	1207030033	3P-12	7.20	NN Pháp	NN Anh	
21	Phạm Thanh	Hằng	09.09.1995	1307040047	3T-13	7.02	NN Trung	NN Anh	
22	Trần Thị	Hằng	08.08.1995	1307040051	8T-13	7.77	NN Trung	NN Anh	
23	Lê Thị Thu Thu	Hiền	06.05.1993	1107050044	2Đ-11	7.09	NN Đức	NN Anh	
24	Vũ Bảo	Hoa	05.03.1995	1307030033	2P-13	7.09	NN Pháp	NN Anh	
25	Vũ Thị Bé	Hoa	04.12.1995	1307020045	4N-13	7.15	NN Nga	NN Anh	
26	Nguyễn Khắc	Hoàn	18.07.1995	1301040081	4C-13	7.25	CNTT	NN Anh	
27	Nguyễn Huy	Hoàng	08.08.1993	1107070035	2H-11	7.35	NN Hàn Quốc	NN Anh	
28	Dương Thị	Huế	17.10.1994	1207030046	3P-12	7.44	NN Pháp	NN Anh	
29	Ngô Thu	Hương	13.12.1995	1307050058	4Đ-13	7.41	NN Đức	NN Anh	
30	Nguyễn Thanh	Hương	21.03.1995	1307050059	2Đ-13	7.62	NN Đức	NN Anh	
31	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09.11.1992	1107020042	3N-11	7.32	NN Nga	NN Anh	
32	Triệu Thị Thanh	Huyền	29.03.1993	1207070047	3H-12	7.46	NN Hàn Quốc	NN Anh	
33	Nguyễn Thuỳ	Khanh	01.11.1993	1107070051	1H-11	8.24	NN Hàn Quốc	NN Anh	
34	Dương Thị	Lạc	09.03.1993	1107030046	3P-11	7.83	NN Pháp	NN Anh	
35	Nguyễn Thị	Lan	24.06.1995	1307040084	5T-13	7.53	NN Trung	NN Anh	
36	Bùi Thị	Linh	20.07.1995	1307040090	4T-13	7.62	NN Trung	NN Anh	
37	Lê Thị Mỹ	Linh	16.03.1994	1207070050	2H-12	8.01	NN Hàn Quốc	NN Anh	
38	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07.09.1995	1307040096	1T-13	7.73	NN Trung	NN Anh	
39	Nguyễn Thuỳ	Linh	03.07.1995	1307040098	4T-13	7.61	NN Trung	NN Anh	
40	Phan Khánh	Linh	25.06.1995	1307040099	3T-13	7.46	NN Trung	NN Anh	
41	Phạm Thuỳ	Lương	27.05.1994	1207090061	3I-12	7.16	NN Italia	NN Anh	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
42	Lã Quỳnh	Mai	19.08.1994	1207030067	3P-12	7.27	NN Pháp	NN Anh	
43	Bùi Hồng	Minh	11.09.1995	1307040113	4T-13	7.78	NN Trung	NN Anh	
44	Vũ Hà	My	29.11.1995	1307030065	3P-13	7.42	NN Pháp	NN Anh	
45	Nguyễn Hà	Mỹ	15.11.1995	1307040118	7T-13	8.10	NN Trung	NN Anh	
46	Trần Thị Hạnh	Ngân	20.09.1994	1207070069	4H-12	7.54	NN Hàn Quốc	NN Anh	
47	Vương Thị	Ngân	26.06.1994	1307020073	2N-13	7.72	NN Nga	NN Anh	
48	Trần Minh	Nguyệt	20.01.1995	1307030073	3P-13	7.02	NN Pháp	NN Anh	
49	Hoàng Thị Hồng	Nhung	25.05.1995	1307020076	5N-13	7.17	NN Nga	NN Anh	
50	Nguyễn Thị	Nhung	17.01.1995	1307020078	3N-13	7.00	NN Nga	NN Anh	
51	Lương Minh	Phương	26.12.1995	1307040147	8T-13	7.07	NN Trung	NN Anh	
52	Nguyễn Lan	Phương	02.03.1995	1307100050	1B-13	7.69	NN BĐN	NN Anh	
53	Trần Thanh	Phương	19.10.1994	1207090083	2I-12	7.17	NN Italia	NN Anh	
54	Phạm Thị	Quý	27.09.1993	1107050102	2Đ-11	7.17	NN Đức	NN Anh	
55	Nguyễn Thị	Quyên	19.06.1994	1207040156	2T-12	7.49	NN Trung	NN Anh	
56	Đinh Thị Như	Quỳnh	02.12.1994	1207070081	4H-12	7.50	NN Hàn Quốc	NN Anh	
57	Lê Thị Như	Quỳnh	26.05.1995	1307030086	2P-13	7.2	NN Pháp	NN Anh	
58	Huỳnh Tấn Việt	Sơn	30.12.1995	1307020085	5N-13	7.17	NN Nga	NN Anh	
59	Phan Thị	Thắm	12.07.1995	1307020088	2N-13	7.44	NN Nga	NN Anh	
60	Lê Thị	Thảo	18.02.1992	1107020102	2N-11	8	NN Nga	NN Anh	
61	Nguyễn Phương	Thảo	05.10.1995	1307040172	3T-13	8.06	NN Trung	NN Anh	
62	Phùng Thị Bích	Thảo	25.04.1993	1107020105	4N-11	7.23	NN Nga	NN Anh	
63	Vũ Thạch	Thảo	03.06.1995	1307030091	3P-13	7.95	NN Pháp	NN Anh	
64	Nguyễn Thị	Thu	16.05.1993	1107070097	2H-11	7.51	NN Hàn Quốc	NN Anh	
65	Nguyễn Thị Minh	Thu	20.08.1993	1107030094	2P-11	7.25	NN Pháp	NN Anh	
66	Bùi Thị Thương	Thương	07.11.1995	1307040189	8T-13	7.62	NN Trung	NN Anh	
67	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24.10.1995	1307040202	3T-13	7.77	NN Trung	NN Anh	
68	Lê Thị	Tình	18.09.1995	1307040203	4T-13	7.77	NN Trung	NN Anh	
69	Đỗ Thị	Trang	21.03.1994	1207040189	3T-12	7.69	NN Trung	NN Anh	
70	Lê Ngọc	Trang	19.10.1995	1307060154	1NB-13	8.42	NN Nhật	NN Anh	
71	Mai Thu	Trang	16.08.1994	1307040210	3T-13	7.48	NN Trung	NN Anh	
72	Nguyễn Thị	Trang	02.02.1995	1307040211	4T-13	7.72	NN Trung	NN Anh	
73	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17.07.1995	1307020101	5N-13	7.19	NN Nga	NN Anh	
74	Nguyễn Thùy	Trang	04.05.1995	1307040215	8T-13	7.78	NN Trung	NN Anh	
75	Vũ Mạnh	Trường	10.10.1995	1307030113	2P-13	7.43	NN Pháp	NN Anh	
76	Đặng Bảo	Vân	24.12.1994	1207020130	3N-12	7.59	NN Nga	NN Anh	
77	Nguyễn Ngọc	Vũ	01.06.1995	1307030120	2P-13	7.18	NN Pháp	NN Anh	

Danh sách này gồm có 77 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Phương	Anh	13.10.1994	1207020008	5N-12	7.53	NN Nga	NN Hàn Quốc	
2	Nguyễn Thái Thuỳ	Anh	16.02.1994	1206080010	3Q-12	7.81	QTH	NN Hàn Quốc	
3	Nguyễn Vũ Thùy	Chi	01.03.1991	1304040018	3TC-13	7.80	TC-NH	NN Hàn Quốc	
4	Nguyễn Thùy	Dung	26.04.1995	1307040032	1T-13	8.51	NN Trung	NN Hàn Quốc	
5	Nguyễn Thị Ngọc	Hạ	19.11.1995	1307010065	1A-13	7.67	NN Anh	NN Hàn Quốc	
6	Phạm Thị	Hằng	11.11.1995	1307040048	4T-13	7.99	NN Trung	NN Hàn Quốc	
7	Phạm Thị Hồng	Hạnh	21.10.1994	1207010066	8A-12	7.90	NN Anh	NN Hàn Quốc	
8	Phạm Thị Hồng	Hạnh	01.08.1995	1307020038	4N-13	7.62	NN Nga	NN Hàn Quốc	
9	Phan Thị Hồng	Hạnh	01.04.1995	1307090044	4I-13	7.33	NN Italia	NN Hàn Quốc	
10	Nguyễn Thị Thanh	Hảo	09.12.1994	1207010067	9A-12	7.09	NN Anh	NN Hàn Quốc	
11	Hà Thị	Hiền	16.02.1995	1307100023	1B-13	7.24	Đào Nha	NN Hàn Quốc	
12	Đào Thị	Huế	01.10.1993	1107020037	4N-11	7.12	NN Nga	NN Hàn Quốc	
13	La Thị Thu	Hương	02.08.1994	1204040037	4TC-12	7.08	TC-NH	NN Hàn Quốc	
14	Nguyễn Thị Mai	Hương	06.02.1995	1307010104	5A-13	7.75	NN Anh	NN Hàn Quốc	
15	Phạm Thị	Huyền	29.06.1995	1307010114	5A-13	7.22	NN Anh	NN Hàn Quốc	
16	Đỗ Lan	Nhi	20.12.1995	1307090095	1I-13	7.86	NN Italia	NN Hàn Quốc	
17	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29.09.1994	1207090077	3I-12	7.52	NN Italia	NN Hàn Quốc	
18	Nguyễn Thị Thu	Thảo	04.09.1994	1207010219	2A-12	8.12	NN Anh	NN Hàn Quốc	
19	Nguyễn Thị	Thu	10.08.1994	1207010224	8A-12	7.45	NN Anh	NN Hàn Quốc	
20	Lương Thị Huyền	Trang	22.11.1994	1207010242	3A-12	7.30	NN Anh	NN Hàn Quốc	
21	Nguyễn Thùy	Trang	29.04.1995	1307010257	6A-13	7.29	NN Anh	NN Hàn Quốc	
22	Ong Thị Tố	Uyên	19.03.1994	1207010261	2A-12	7.66	NN Anh	NN Hàn Quốc	

Danh sách này gồm có 22 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Đồng Phương	Anh	22.12.1994	1304040004	3TC-13	7.76	TC-NH	NN Nhật	
2	Mai Hà	Châu	07.11.1993	1107020014	3N-11	7.37	NN Nga	NN Nhật	
3	Nguyễn Thuỳ	Dung	09.09.1995	1307010050	2A-13	8.33	NN Anh	NN Nhật	
4	Nguyễn Thuỳ	Dương	07.08.1994	1207010040	4A-12	7.79	NN Anh	NN Nhật	
5	Trần Thị Hồng	Hà	16.01.1995	1307010064	10A-13	7.10	NN Anh	NN Nhật	
6	Nguyễn Thị ánh	Hồng	29.05.1994	1207040057	5T-12	7.36	NN Trung	NN Nhật	
7	Nguyễn Hoàng Thu	Hương	04.09.1994	1307010102	7A-13	7.72	NN Anh	NN Nhật	
8	Phạm Tùng	Lâm	05.11.1994	1207010105	4A-12	7.41	NN Anh	NN Nhật	
9	Đặng Văn	Linh	10.12.1992	1107020047	3N-11	7.93	NN Nga	NN Nhật	
10	Lê Thị Diệu	Linh	27.09.1995	1307010124	5A-13	7.63	NN Anh	NN Nhật	
11	Ngô Thị Ngọc	Linh	20.04.1995	1304040053	2TC-13	7.34	TC-NH	NN Nhật	
12	Trần Thị Thùy	Linh	25.02.1994	1207010120	5A-12	7.43	NN Anh	NN Nhật	
13	Đào Phương	Mai	08.02.1995	1304000055	1K-13	7.50	QTKD	NN Nhật	
14	Nguyễn Tuấn	Minh	04.04.1995	1307010151	10A-13	7.29	NN Anh	NN Nhật	
15	Nguyễn Bích	Ngọc	02.10.1994	1207010166	2A-12	7.21	NN Anh	NN Nhật	
16	Nguyễn Thị Xuân	Nguyên	28.03.1993	1104000083	4k-11	7.22	QTKD	NN Nhật	
17	Hoàng Thị Kim	Oanh	18.10.1995	1307090097	4I-13	7.37	NN Italia	NN Nhật	
18	Hồ Thị Thu	Phương	05.09.1994	1207040142	6T-12	8.05	NN Trung	NN Nhật	
19	Phạm Thị Hà	Phương	20.07.1994	1207010189	2A-12	7.36	NN Anh	NN Nhật	
20	Nguyễn Kim	Phượng	24.08.1994	1207010196	5A-12	7.90	NN Anh	NN Nhật	
21	Trần Thị	Quyên	18.09.1994	1307040156	4T-13	7.16	NN Trung	NN Nhật	
22	Bùi Hoàng	Quỳnh	28.03.1995	1307010196	2A-13	7.78	NN Anh	NN Nhật	
23	Trần Thu	Quỳnh	20.10.1995	1307010200	6A-13	7.13	NN Anh	NN Nhật	
24	Trịnh Trúc	Quỳnh	14.06.1995	1307010201	7A-13	7.38	NN Anh	NN Nhật	
25	Đoàn Tất	Thắng	14.04.1995	1301040185	4C-13	7.14	CNTT	NN Nhật	
26	Tạ Hương	Thảo	07.12.1995	1307010221	5A-13	7.77	NN Anh	NN Nhật	
27	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	15.05.1995	1307010230	1A-13	7.23	NN Anh	NN Nhật	
28	Hoàng Bích	Thuận	17.02.1995	1307040187	3T-13	8.48	NN Trung	NN Nhật	
29	Vũ Thị	Tính	26.08.1993	1107020111	4N-11	9.22	NN Nga	NN Nhật	
30	Nguyễn Bảo	Trâm	29.12.1995	1307030102	2P-13	7.01	NN Pháp	NN Nhật	
31	Hoàng Gia Bảo	Trân	31.10.1995	1307070106	3H-13	7.17	NN Hàn Quốc	NN Nhật	
32	Nguyễn Thị Thu	Trang	29.05.1993	1107020115	4N-11	7.42	NN Nga	NN Nhật	
33	Trịnh Thị	Trang	25.10.1995	1307040218	3T-13	7.75	NN Trung	NN Nhật	
34	Nguyễn Thanh	Vân	13.03.1995	1307010268	5A-13	7.85	NN Anh	NN Nhật	
35	Vũ Thị	Xuyên	07.10.1993	1107050128	3Đ-12	7.10	NN Đức	NN Nhật	
36	Nguyễn Thị	Yến	29.12.1994	1207010266	8A-12	7.09	NN Anh	NN Nhật	

Danh sách này gồm có 36 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Trần Hoàng	Cúc	24.11.1995	1307010038	6A-13	7.94	NN Anh	TC-NH	
2	Trần Đức	Quỳnh	12.05.1995	1307010199	5A-13	7.06	NN Anh	TC-NH	
3	Phạm Đình	Sinh	10.12.1995	1301040180	4C-13	7.56	CNTT	TC-NH	
4	Nguyễn Thanh	Tâm	14.11.1995	1307030088	1P-13	7.79	NN Pháp	TC-NH	
5	Hoàng Việt	Thanh	07.11.1995	1304000078	1K-13	7.50	QTKD	TC-NH	
6	Phạm Phương	Thảo	25.10.1994	1207030095	4P-12	7.52	NN Pháp	TC-NH	
7	Hoàng Thị Thanh	Thuý	24.04.1993	1104000108	4K-11	7.42	QTKD	TC-NH	
8	Hà Phương	Thùy	04.01.1994	1307040196	4T-13	7.47	NN Trung	TC-NH	

Danh sách này gồm có 08 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH QTDV DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Lương Thị Thu	Hà	20.10.1993	1207010046	9A-12	7.68	NN Anh	QTDVDL & LH	
2	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	04.09.1994	1207010065	10A-12	8.01	NN Anh	QTDVDL & LH	
3	Phạm Thuý	Huyền	04.10.1994	1207010099	9A-12	8.11	NN Anh	QTDVDL & LH	
4	Nguyễn Mai	Linh	31.12.1995	1307010126	7A-13	7.05	NN Anh	QTDVDL & LH	
5	Trần Phượng	Thảo	18.06.1993	1107050111	1Đ-11	7.53	NN Đức	QTDVDL & LH	
6	Bùi Ngọc	Tuấn	09.06.1993	1207010257	9A-12	7.92	NN Anh	QTDVDL & LH	
7	Nguyễn Thị	Yến	30.09.1994	1207010267	7A-12	7.86	NN Anh	QTDVDL & LH	

Danh sách này gồm có 07 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Tuấn	Anh	20.10.1995	1307010020	7A-13	7.38	NN Anh	QTKD	
2	Trần Thị Thanh	Hằng	23.06.1995	1307010076	1A-13	7.37	NN Anh	QTKD	
3	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	04.10.1995	1307040110	1T-13	7.31	NN Trung	QTKD	
4	Cao Trà	My	20.10.1994	1207010144	9A-12	7.77	NN Anh	QTKD	
5	Cao Hà	Phương	16.01.1995	1307010183	1A-13	8.15	NN Anh	QTKD	
6	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	11.03.1995	1307040214	1T-13	7.59	NN Trung	QTKD	

Danh sách này gồm có 06 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH KẾ TOÁN

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Thuỳ	Dương	18.11.1995	1307010054	3A-13	7.11	NN Anh	Kế toán	
2	Nguyễn Minh	Hạnh	28.07.1992	1107050042	3Đ-11	7.13	NN Đức	Kế toán	
3	Nguyễn Thị	Hoa	09.11.1993	1104000040	4K-12	8.17	QTKD	Kế toán	
4	Nguyễn Thu	Hương	25.10.1993	1104040038	3TC-12	7.42	TC-NH	Kế toán	
5	Trương Thị Thùy	Nga	28.10.1995	1307060100	5NB-13	7.00	NN Nhật	Kế toán	
6	Bùi Thị	Thuỷ	05.02.1993	1204040089	4TC-12	7.23	TC-NH	Kế toán	

Danh sách này gồm có 06 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Hồng	Liên	19.05.1993	1107020046	3N-11	7.00	NN Nga	NN Trung	
2	Nguyễn Bá	Thắng	18.06.1994	1207030089	4P-12	7.54	NN Pháp	NN Trung	
3	Hà Thị Quỳnh	Trang	23.09.1993	1207010239	2A-12	7.34	NN Anh	NN Trung	
4	Hoàng Tố	Uyên	21.08.1993	1104000124	4k-11	7.20	QTKD	NN Trung	

Danh sách này gồm có 04 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh	Đức	06.03.1993	1307100017	1B-13	7.10	NN Bồ Đào Nha	NN Pháp	
2	Lê Bích	Ngọc	18.02.1995	1307010165	3A-13	8.41	NN Anh	NN Pháp	

Danh sách này gồm có 02 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH QUỐC TẾ HỌC

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Võ An	Phương	15.10.1994	1207010193	10A-12	8.32	NN Anh	Quốc tế học	
2	Nguyễn Hà	Trang	16.05.1994	1207010244	10A-12	8.36	NN Anh	Quốc tế học	

Danh sách này gồm có 02 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ ITALIA

(Theo Quyết định số 1476 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Đinh Mỹ	Hạnh	22.10.1994	1207010062	7A-12	7.55	NN Anh	NN Italia	

Danh sách này gồm có 01 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH KHÓA 2014-2018, NGÀNH NGÔN NGỮ TÂY BAN NHA

(Theo Quyết định số 1426 /ĐHHN-QĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2014)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã SV	Lớp 1	TBC năm học	Ngành 1	Ngành 2	Ghi chú
1	Nguyễn Huyền My	18.12.1994	1204010061	1KT-12	8.38	Kế toán	NN Tây Ban Nha	

Danh sách này gồm có 01 người

Hà Nội, Ngày 25 tháng 9 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Nguyễn Đình Luận